TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20– 3- 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khải Hoàng.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phương T.

Địa chỉ: khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Â.

Địa chỉ: khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2017 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị Phương T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Â chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vị Bình, huyện Vị Thủy. Quá

trình chung sống hạnh phúc tới năm 2009, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh Â không có trách nhiệm với vợ con, mọi vấn đề trong gia đình anh Â không quan tâm phụ giúp vợ, có lời nói xúc phạm chị, nên vợ chồng bất đồng quan điểm, mẫu thuẫn kéo dài, chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút lại, nhưng vợ chồng vẫn sống không hạnh phúc. Vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Â.

Con chung: vợ chồng có 01 đứa con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 25/01/2010, hiện đang sống chung với chị. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn anh Nguyễn Văn Â trình bày: Anh và chị Trần Thị Phương T chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vị Bình. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, tới đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do vợ anh thường xuyên đi nhậu với ông Lâm Văn T là thủ trưởng cơ quan nơi vợ công tác, bỏ bê gia đình không quan tâm đến chồng con, anh có khuyên can nhiều lần nhưng vợ bỏ ngoài tai. Vợ anh nhiều lần lừa dối anh để đi công tác, đi du lịch với ông Lâm Văn T, anh nghi ngờ hai người có mối quan hệ không trong sáng, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn không hạnh phúc. Nay vợ anh xin ly hôn, anh không đồng ý. Do nếu ly hôn, anh sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con.

Con chung: vợ chồng có 01 đứa con chung, đúng như vợ anh khai trên. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con. Không yêu cầu vợ cấp dưỡng.

Tài sản chung: vợ chồng có nhà, đất tại phường III, thành phố Vị Thanh. Đất tại ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh. Xe mô tô biển số 95H1- 4616. Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị Phương T, bị đơn anh Nguyễn Văn Â trình bày giữ như lời khai và yêu cầu trước đây.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà:

- Về tố tụng. Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương T. Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Â. Về con chung

giao cho chị T được nuôi, không buộc anh Â cấp dưỡng. Về tài sản, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn Â hiện tại có nơi cư trú tại khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh.

[3]. Quan hệ hôn nhân. Chị Trần Thị Phương T và anh Nguyễn Văn Â chung sống với nhau từ năm 2008, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Vị Bình, nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn, anh Â không đồng ý. *Toà xét thấy*: hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được, dẫn đến sống ly thân nhau. Thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên toà chị T khai không còn tình cảm với anh Â và cương quyết xin ly hôn, anh Â mặc dù không đồng ý, nhưng từ lúc ly thân cho đến nay, dù đã được Tòa hòa giải, tạo nhiều thời gian để anh hàn gắn vợ chồng, nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó nếu để tiếp tục kéo dài mối quan hệ hôn nhân, vợ chồng sẽ không đảm bảo hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Toà chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị và anh Â được ly hôn.

[4]. Con chung. Anh chị có một đứa con chung tên Nguyễn Trí H (giới tính: nam), sinh ngày 25/01/2010. Hai bên tranh chấp, Chị T, anh Â ai cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Toà xét thấy: cháu H hiện nay đã hơn 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: "con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét đến nguyện vọng của con". Quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa, qua hỏi ý kiến cháu H có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Căn cứ vào ý kiến này và xem xét toàn diện các điều kiện khác như: tính chất nghề nghiệp của anh Â là bộ đội nên thường phải trực ngoài giờ, cháu H vẫn còn nhỏ chưa tự chăm sóc bản thân được. Trong khi chị T là công chức công tác tại Chi cục Thi hành án, giờ giấc ổn định hơn và có thu nhập đủ khả năng nuôi con, nên Tòa chấp nhận yêu cầu của chị T giao cho chị được trực tiếp nuôi cháu H sau khi ly hôn.

[5]. Cấp dưỡng. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tuy nhiên do

chị T chưa yêu cầu, xét yêu cầu này của chị T là tự nguyện nên Toà chấp nhận chưa buộc anh Â cấp dưỡng trong cùng vụ án này.

[6]. Tài sản, nợ chung. Chị T, anh Â khai không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7]. Về án phí. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị T có trách nhiệm chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch.

[8]. Đối với phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Â.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Chí H (giới tính nam), sinh ngày 25/01/2010 cho chị Trần Thị Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Â chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa yêu cầu. Anh Â có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nợ chung: chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án, do chưa có yêu cầu.

- Về án phí: buộc chị Trần Thị Phương T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0012645 ngày 01/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Chị T không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Khải Hoàng; Phạm Kim Ngọc	**Võ Thái Sơn**